

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05/01/2024

V/v: “*Tranh chấp yêu cầu ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Út Nhỏ;

2. Ông Lý Tuấn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao không tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 466/2023/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp yêu cầu ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/12/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn S - sinh năm 1968 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã V, huyện G, tỉnh K.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị D - sinh năm 1971 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 11/12/2023 của nguyên đơn ông Trần Văn S trình bày: Tôi và bà Phạm Thị D có tìm hiểu nhau được 2 năm nên đến năm 1988 thì chúng tôi được cha mẹ 02 bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn vợ chồng tôi sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tôi tính tình không phù hợp nhau, không có tiếng nói chung nên chúng tôi không có ly thân. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Phạm Thị D.

Về con chung: Chúng tôi có hai người con chung tên Trần Ngọc C - sinh ngày 09/5/1988 và Trần Th - sinh ngày 05/9/1990, hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tôi xác định vợ chồng đã tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Tôi xác định vợ chồng không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên vọng:

Về hôn nhân: Tôi xin được ly hôn với bà Phạm Thị D.

Về con chung: Đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Như trình bày trên nên tôi không yêu cầu thêm gì.

Tại bản tự khai đề ngày 11/12/2023 bị đơn bà Phạm Thị D trình bày: Tôi và ông Trần Văn S có tìm hiểu nhau trước được 1 năm nên đến cuối năm 1988 thì chúng tôi được cha mẹ 02 bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn vợ chồng tôi sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tôi tính tình không phù hợp nhau, không có tiếng nói chung nên chúng tôi không có ly thân. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên tôi đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Trần Văn S.

Về con chung: Chúng tôi có hai người con chung tên Trần Ngọc C - sinh ngày 09/5/1988 và Trần Th - sinh ngày 05/9/1990, hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tôi xác định vợ chồng đã tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Tôi xác định vợ chồng không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên vọng:

Về hôn nhân: Tôi đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Trần Văn S.

Về con chung: Đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Như trình bày trên nên tôi không yêu cầu thêm gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa ông Trần Văn S và bà Phạm Thị D là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn ông Trần Văn S và bị đơn bà Phạm Thị D không có mặt tại phiên tòa nhưng ông S và bà D có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Trần Văn S và bà Phạm Thị D là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn S xác lập quan hệ hôn nhân với bà Phạm Thị D vào cuối năm 1988, có tổ chức đám cưới nhưng không làm thủ

tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Trong quá chung sống ông bà cũng không có đăng ký kết hôn, do ông bà không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân không hợp pháp. Tại thời điểm xét xử, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đã có hiệu lực nên căn cứ vào Điều 53 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa ông Trần Văn S và bà Phạm Thị D là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông Trần Văn S và bà Phạm Thị D xác định ông bà có 02 người con chung tên Trần Ngọc C - sinh ngày 09/5/1988 và Trần Th - sinh ngày 05/9/1990, hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông Trần Văn S và bà Phạm Thị D xác định ông bà tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét

[5] Về nợ chung: Ông Trần Văn S và bà Phạm Thị D xác định ông bà không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng ông Trần Văn S phải nộp do ông có yêu cầu xin ly hôn nhưng ông S được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp trước đây là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004594 ngày 11/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, ông Trần Văn S đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 53 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa ông Trần Văn S và bà Phạm Thị D là vợ chồng.

- Về con chung: HĐXX miễn xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX miễn xét.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 đồng ông Trần Văn S phải nộp do ông có yêu cầu xin ly hôn nhưng ông S được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp trước đây là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 00004594 ngày 11/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, ông Trần Văn S đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05/01/2024).

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện Gò Quao;
- Chi cục THA huyện Gò Quao;
- UBND xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoài Thanh